



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT
KHOA TOÁN KINH TẾ
BỘ MÔN TOÁN KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. **Thông tin tổng quát:**

Tên học phần tiếng Việt	Logic học
Tên học phần tiếng Anh	Introduction to Logic
Mã học phần	BDG1011
Thuộc khối kiến thức	Kiến thức đại cương/ Kiến thức cơ sở ngành/ Kiến thức ngành/ Kiến thức chuyên ngành ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
Trình độ	Đại học
Ngành học	Xem myuel/LMS
Khóa học	Xem myuel/LMS
Năm học	Xem myuel/LMS
Học kỳ	Xem myuel/LMS
Số tín chỉ	2 tín chỉ. 30 tiết Lý thuyết trực tiếp tại lớp.
Môn học tiên quyết	Không có
Môn học trước	Không có
Môn học sau	Không có
Môn học song hành	Không có
Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
Các giảng viên phụ trách giảng dạy	TS. Hà Văn Hiếu, PGS. TS. Lê Phương, PGS. TS. Phạm Hoàng Uyên

2. **Mô tả môn học**

Khóa học này giới thiệu các nguyên lý cơ bản của logic – ngành nghiên cứu về lập luận đúng đắn. Học viên sẽ khám phá cấu trúc của các lập luận, học cách phân biệt giữa lý luận hợp lý và không hợp lý, đồng thời phát triển kỹ năng biểu diễn bằng ký hiệu và phân tích logic. Các chủ đề bao gồm logic mệnh đề, bảng chân trị, tương đương logic, và các quy luật phổ biến. Khóa học nhấn mạnh vào sự rõ ràng trong tư duy, khả năng suy luận phản biện, và việc áp dụng logic vào các bối cảnh triết học, toán học, cũng như đời sống hằng ngày. Không yêu cầu kiến thức nền tảng về logic trước đó.

3. **Tài liệu học tập**

- **Tài liệu học tập chính:**

[1] Nguyễn Anh Thường - Phạm Thị Loan (2021), Logic học. TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Đại học Quốc gia - HCM.

[2] Patrick J. Hurley (2023), A Concise Introduction to Logic, fourteenth edition, Boston: Wadsworth, Cengage Learning.

- **Tài liệu học tập khác:**

[3] Phạm Đình Nghiệm [2005], Nhập môn logic học, TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Đại học Quốc gia - HCM.

[4] Trần Hoàng, [2002], Logic học nhập môn, TP. Hồ Chí Minh: Nxb. ĐH Sư phạm TP. HCM.

4. **Mục tiêu môn học:**

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

COx (1)	Mô tả (2)	CLOx (3)	Mức độ (4)
CO1	Giúp sinh viên hiểu và áp dụng các quy tắc cơ bản của logic hình thức trong việc phân tích và đánh giá lập luận.	CLO 1-5	2

CO2	Phát triển kỹ năng biểu diễn các mệnh đề bằng ngôn ngữ logic hình thức và sử dụng bảng chân trị để xác định tính hợp lệ logic.	CLO 4, 5	2
CO3	Nâng cao tư duy phản biện và khả năng nhận diện các nguy cơ phổ biến trong giao tiếp và tranh luận.	CLO 2-5	2

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học.

(2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR và bối cảnh áp dụng tổng quát.

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TDNL tương ứng được phân bổ cho môn học.

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U hoặc I, R, M)

Hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng:

CDR (1)	Mô tả (2)	PLOs (3)	Mức độ (4)
CLO1	Nhận biết và phân biệt các khái niệm cơ bản của Logic.	PLO 1	I
CLO2	Chuyển các mệnh đề trong ngôn ngữ tự nhiên sang ký hiệu logic hình thức.	PLO 1	T
CLO3	Phân tích và đánh giá các mệnh đề phân loại (categorical propositions).	PLO 2	T
CLO4	Đánh giá và xây dựng các tam đoạn luận phân loại (categorical syllogisms) và các dạng mở rộng của chúng bằng cách xác định dạng chuẩn, hình thái (mood) và hình thức (figure).	PLO 2	U
CLO5	Xây dựng và diễn giải bảng chân trị để phân tích mối quan hệ logic và xác định tính hợp lệ của lập luận.	PLO 2	U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng hoặc I (Introduce): giới thiệu; R (Reinforced): tăng cường; M (Mastery): thành thạo.

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

- Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:

+ Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

+ Điểm thành phần: kết quả học tập một học phần được đánh giá theo quá trình học tập, thể hiện bởi các điểm thành phần được làm tròn tới một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

Assessment Component (1)	Assessment codes (Ax.x) (2)	CLO (CLOx) (3)	Assessment types (4)	Times (5)	Proportion (6)	Sub-proportion (7)
A1. Quá trình	A1.1	CLO 1 - 5	Kiểm tra/bài tập nhóm/cá nhân		30%	
	A1.2	CLO 1 - 3	Thuyết trình nhóm (tùy chọn)			
A2. Giữa kỳ	A2.1	CLO 1 - 4	Trắc nghiệm và/hoặc tự luận	75 phút	20%	
A3. Cuối kỳ	A3.1	CLO 1 - 5	Trắc nghiệm và/hoặc tự luận	60 phút	50%	

(1): Các thành phần đánh giá của môn học.

(2): Ký hiệu các bài đánh giá

(3): Các CDR được đánh giá.

(4): Tiêu chí đánh giá như bài tập nhóm/cá nhân về nhà, bài tập nhóm/cá nhân tại lớp, dự án, đồ án môn học.....

(5): Thời lượng đánh giá theo phút tại lớp (nếu có)

(6): Trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

(7): trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm của thành phần đánh giá

- Thang điểm đánh giá: theo thang điểm 10, thang điểm 100 hoặc thang điểm 4 được dùng để ghi nhận và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm và cách xếp loại kết quả học tập được thực hiện như sau:

Xếp loại	Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 100	Thang điểm hệ 4	
			Điểm số	Điểm chữ
Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	Từ 90 đến 100	4,0	A+
Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	Từ 80 đến cận 90	3,5	A
Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	Từ 70 đến cận 80	3,0	B+
Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	Từ 60 đến cận 70	2,5	B
Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	Từ 50 đến cận 60	2,0	C
Yếu	Từ 4,0 đến cận 5,0	Từ 40 đến cận 50	1,5	D+
Kém	Từ 3,0 đến cận 4,0	Từ 30 đến cận 40	1,0	D
	< 3,0	Dưới 30	0,0	F

- Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(Các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học)

WEEKS/ SESSIONS (1)	CONTENT (2)	CLO (3)	TEACHING AND LEARNING ACTIVITIES (4)	ASSESSMENT (5)
1-2	CHAPTER 1. Basic Concepts 1.1. Introduction to Logic 1.2. Arguments, Premises, and Conclusions 1.3. Recognizing Arguments 1.4. Deduction and Induction 1.5. Validity, Truth, Soundness, Strength, and Cogency 1.6. Argument Forms: Proving Invalidity 1.7. Extended Arguments	CLO 1, 2	Lecturer - Introduce the course. - Teach new lessons. - Instruct students on how to practice doing exercises toward the goals of the chapter Students - Read Chapter 1 [1] - Discuss and answer questions in class. - Ask questions on materials they need help understanding. - Practice doing homework in class and at home.	A 1.1
3-4	CHAPTER 2. Categorical Propositions 1. The Components of Categorical Propositions 2. Quality, Quantity, and Distribution 3. Venn Diagrams and the Modern Square of Opposition 4. Conversion, Obversion, and Contraposition 5. The Traditional Square of Opposition 6. Venn Diagrams and the Traditional Standpoint 7. Translating Ordinary Language Statements into Categorical Form	CLO 2, 3	Lecturer - Review previous lessons and teach new lessons. - Guide students to do exercises - Organize a group working for students. Students - Read Chapter 4 [1]. - Discuss and answer questions in class. - Ask questions. - Do homework in class and at home.	A 1.1

5-7	CHAPTER 3. Categorical Syllogisms - Standard Form, Mood, and Figure - Venn Diagrams - Rules and Fallacies - Reducing the Number of Terms - Ordinary Language Arguments - Enthymemes - Sorites	CLO 2, 4	Lecturer - Review previous lessons and teach new lessons. - Guide students to do exercises - Organize a group working for students. Students - Read Chapter 5 [1]. - Discuss and answer questions in class. - Ask questions. - Do homework in class and at home. - Do Midterm-Exam	A 1. 1, A 1.2, A 2.1
8-10	CHAPTER 4. Propositional Logic - Symbols and Translation - Truth Functions - Truth Tables for Propositions - Truth Tables for Arguments - Indirect Truth Tables - Argument Forms and Fallacies	CLO 2, 5	Lecturer - Review previous lessons and teach new lessons. - Guide students to do exercises - Organize a group working for students. Students - Read Chapter 6 [1] - Discuss and answer questions in class. - Ask questions. - Do homework in class and at home.	

(1): Thông tin về tuần/buổi học.

(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu CLOx)

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1: ...	CLOx ...	Dạy: ... Học ở lớp: ... Học ở nhà: ...	Ax.x ...
...				

(1): Thông tin về tuần/buổi học.

(2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành.

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu CLOx),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Tổng thời lượng học tập

Delivery mode	Teaching and Learning Activities	Number	Duration (hour)	Workload (hour)
Face-to-face	Lecture, Case-based Learning & Discussion Activities, etc.	7	2.5	17.5

	Presentation & Defense	2	2.5	5
Self-Study	Self-Directed Learning	10	4	40
	Individual homework	5	3	15
	Group homework	5	4	20
Exam	Midterm exam	1	1.25	1.25
	Final exam	1	1.25	1.25
Total workload				100

Ghi chú: 1 tiết = 50 phút = 5/6 giờ; 1 tín chỉ 50h học tập bao gồm cả thời gian học tập trên lớp, tự học, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá.

9. Quy định môn học:

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

Sẽ được cập nhật ở buổi học đầu tiên, myuel/LMS.

10. **Đề cương được cập nhật và biên soạn vào:** ngày 09 tháng 04 năm 2025.

11. **Đề cương được thẩm định và thông qua vào:** ngày 11 tháng 04 năm 2025.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2025

GIẢNG VIÊN LẬP ĐỀ CƯƠNG TRƯỞNG BỘ MÔN TRƯỞNG KHOA

PHỤ LỤC 1**MỘT SỐ RUBRIC GIẢNG VIÊN TỰ THIẾT KẾ CHO CÁC BÀI ĐÁNH GIÁ**
Rubric đánh giá kỹ năng thuyết trình (THAM KHẢO)

Mô tả tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm	Nhận xét của giảng viên
Nội dung (45%)			
Bài thuyết trình có mục đích, chủ đề và bố cục rõ ràng (giới thiệu, các nội dung chính, kết luận vấn đề).	10		
Biết chọn lọc nội dung làm điểm nhấn trong bài thuyết trình, tránh lan man. Đồng thời, vẫn bảo đảm đầy đủ những kiến thức cơ bản về vấn đề cần trình bày.	5		
Đưa ra những ví dụ thích hợp, dữ kiện và hoặc số liệu thống kê; hỗ trợ cho kết luận ý tưởng bằng dẫn chứng cụ thể.	10		
Thông tin đưa ra chính xác, khoa học và cập nhật.	5		
Trình bày thông tin theo trình tự hợp lý, an ninh thú vị thuận tiện cho việc theo dõi bài thuyết trình.	5		
Bài trình bày không có lỗi chính tả hoặc lỗi ngữ pháp và quá nhiều chữ trong slide thuyết trình.	5		
Câu trả lời trôi chảy, logic và rõ ràng, thể hiện rõ được sự hiểu biết sâu sắc về chủ đề.	5		
Hình thức (20%)			
Có sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ trợ bài trình chiếu (powerpoint/prezi, infographic, hình ảnh, sơ đồ bảng biểu, bản đồ...).	5		
Các công cụ hỗ trợ có hình thức tốt (hình ảnh sắc nét, kích thước không quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn, phóng nền làm nổi bật chữ viết...).	5		
Sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp nội dung thuyết trình (hình ảnh phù hợp nội dung, các sơ đồ bảng biểu thiết kế hợp lý...)	5		
Có sự sáng tạo, ấn tượng trong việc sử dụng các công cụ, thiết bị hỗ trợ.	5		
Phong cách (20%)			
Phong thái tự tin, chuyên nghiệp, nhiệt huyết trình bày chủ đề.	5		
Sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ hình thể, tốc độ nói và âm lượng phù hợp. Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, ề à hoặc có những từ ngữ thừa (à, ờ, thì, mà, là...)	5		
Thu hút sự chú ý của người nghe, luôn tương tác với người nghe (giao lưu bằng ánh mắt).	5		

Thuyết phục người nghe nhận ra tính hợp lý và tầm quan trọng của chủ đề trình bày.	5		
Thời gian (5%)			
Thời gian thuyết trình vừa đủ, không vi phạm thời gian tối thiểu hoặc tối đa cho phép.	5		
Hợp tác nhóm (10%)			
Có sự phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm.	5		
Có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình.	5		

Tổng cộng: .../100 điểm

Rubric đánh giá kỹ năng làm việc nhóm (THAM KHẢO)

Tiêu chí	Chưa đạt	Đạt yêu cầu	Tốt	Rất tốt
Đóng góp	Hiếm khi đưa ra những thông tin/ý tưởng hữu ích khi tham gia thảo luận nhóm, và/hoặc chỉ làm những gì được yêu cầu.	Đóng góp chủ yếu là những ý tưởng hữu ích. Theo kế hoạch của nhóm và hoàn thành nhiệm vụ.	Hiểu mục đích và mục tiêu chung. Làm việc với nhóm bằng cách đóng góp ý tưởng để phát triển kế hoạch hành động và bằng cách thực hiện công việc được giao.	Thu thập thông tin và chia sẻ ý tưởng hữu ích cho các cuộc thảo luận. Làm việc với nhóm để thiết lập mục đích và mục tiêu chung. Tạo điều kiện cho sự phát triển của kế hoạch hành động. Thực hiện công việc được giao và hỗ trợ người khác hoàn thành nhiệm vụ của họ.
Tập trung vào nhiệm vụ	Không thực hiện nhiệm vụ được giao. Thường bỏ lỡ các cuộc họp và khi có mặt, không có bất cứ đóng góp mang tính xây dựng. Dựa vào người khác để làm việc.	Thực hiện các nhiệm vụ được giao nhưng cần nhắc nhở từ thành viên khác. Tham dự các cuộc họp thường xuyên nhưng thường không nói bất cứ điều gì mang tính xây dựng. Đôi khi mong đợi người khác làm công việc của mình.	Thực hiện tất cả các nhiệm vụ được giao. Tham dự các cuộc họp thường xuyên và thường tham gia hiệu quả. Nói chung đáng tin cậy.	Thực hiện mọi nhiệm vụ rất hiệu quả. Tham dự tất cả các cuộc họp và tham gia nhiệt tình. Rất đáng tin cậy.
Giải quyết vấn đề	Không cố gắng giải quyết vấn đề hoặc giúp người khác giải quyết vấn đề.	Không đưa ra các giải pháp, nhưng sẵn sàng thử các giải pháp được đề xuất bởi các thành viên khác trong nhóm.	Cải thiện các giải pháp được đề xuất bởi các thành viên khác trong nhóm.	Tích cực tìm kiếm và đề xuất giải pháp cho các vấn đề nảy sinh trong quá trình làm việc nhóm.
Hợp tác	Hiếm khi lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ	Thường lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ	Thường lắng nghe, tôn trọng, chia sẻ và hỗ trợ	Luôn luôn lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ

	những nỗ lực của các thành viên khác. Không hợp tác và cản trở nhóm trong việc đạt được những thỏa thuận.	những nỗ lực của thành viên khác. Tuy nhiên đưa ra một số quyết định mà không cần tham khảo ý kiến hay đồng thuận của nhóm.	những nỗ lực của thành viên khác.	trợ những nỗ lực của thành viên khác. Cố gắng để giữ cho các thành viên làm việc tốt với nhau.
Quản lý thời gian	Khó khăn trong việc hoàn thành công việc theo thời hạn. Nhóm phải điều chỉnh thời hạn hoặc phân công công việc.	Có xu hướng chần chừ, nhưng luôn hoàn thành công việc theo thời hạn. Nhóm không cần điều chỉnh thời hạn hoặc phân công công việc.	Quản lý tốt thời gian để đảm bảo hoàn thành đúng thời hạn. Hỗ trợ nhiệm vụ của các thành viên khác trong trường hợp cần.	Tạo điều kiện cho các thành viên khác quản lý thời gian để hoàn thành công việc đúng hạn. Sẵn sàng hỗ trợ nhiệm vụ của các thành viên khác.
Thái độ	Thường công khai chỉ trích công việc của các thành viên khác trong nhóm. Thường có thái độ tiêu cực về các nhiệm vụ.	Đôi khi công khai chỉ trích công việc của các thành viên khác trong nhóm. Thường có thái độ tích cực về các nhiệm vụ.	Rất hiếm khi công khai chỉ trích công việc của người khác. Thường có thái độ tích cực về các nhiệm vụ.	Không bao giờ công khai chỉ trích công việc của thành viên khác. Luôn có thái độ tích cực về các nhiệm vụ.

PHỤ LỤC 2**MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGƯỜI HỌC
ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (THAM KHẢO)**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ -
LUẬTCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcKhoa/Bộ môn ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO**Đánh giá mức độ người học đạt CDR học phần**

Học kỳ: Năm học:

I. Thông tin chung

Tên học phần: Mã học phần:

Số tín chỉ:

Giảng viên phụ trách:

Chương trình đào tạo (CTĐT):

II. Kế hoạch đánh giá**Bảng 1. Kế hoạch đánh giá mức độ người học đạt CDR học phần (CLO)**

Kí hiệu CLO	Nội dung CLO	Cần đánh giá mức độ CLO	Có sử dụng để đánh giá mức độ PLO	PP/công cụ đánh giá	Thu thập dữ liệu		Phân tích dữ liệu và viết báo cáo	Mục tiêu	
					Dữ liệu được lấy từ	Đơn vị/cá nhân phụ trách		Tiêu chí đạt	Mục tiêu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1									
CLO 2									
...									
...									

Chú thích các cột:

(1) Liệt kê tất cả các CLO

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng

(3) Đánh dấu X vào CLO cần đo lường đánh giá mức độ đạt. Ưu tiên đánh giá mức độ người học đạt được các CLO cốt lõi, quan trọng nhất của học phần, đặc biệt là các CLO có mức độ đóng góp và hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) ở mức R hoặc mức M. Khuyến khích giảng viên đánh giá mức độ đạt tất cả các chuẩn đầu ra của học phần (nếu có thể).

(4) Đánh dấu X vào ô tương ứng nếu học phần có sử dụng CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt PLO. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO.

(5) Phương pháp kiểm tra đánh giá bao gồm phương pháp đánh giá trực tiếp, đánh giá gián tiếp, đánh giá tổng kết, đánh giá quá trình. Công cụ đánh giá trực tiếp bao gồm: bài thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thuyết trình, dự án capstone, chứng chỉ chuyên môn, bài tiểu luận,... Công cụ đánh giá gián tiếp bao gồm: phỏng vấn, khảo sát, đánh giá dữ liệu thống kê...

(6) Dữ liệu có thể được lấy từ bài thi cuối kỳ, và/hoặc bài thi giữa kỳ, hoặc đánh giá quá trình (bài tập lớn, dự án, làm việc nhóm, thí nghiệm thực hành...). Trong trường hợp CLO được đánh giá thông qua một phần hoặc một số câu của bài thi - kiểm tra thì cần chú thích rõ. Ví dụ: để đánh giá mức độ đạt CLO1, cần lấy dữ liệu từ câu 1-10 (phần thi trắc nghiệm) của bài thi cuối kỳ. **Lưu ý:** điểm số của cả bài thi hay một phần bài thi cần được quy đổi về thang điểm 4 mức A, B, C, D để thuận tiện cho việc đánh giá và đối sánh mức độ đạt CLO.

(7) Nêu tên đơn vị/cá nhân có trách nhiệm cung cấp dữ liệu (ví dụ như Phòng/Tổ Khảo thí và ĐBCLGD) hoặc thống kê và nhập dữ liệu (ví dụ như tên giảng viên phụ trách học phần) phục vụ cho việc đánh giá mức độ người học đạt CLO.

(8) Nêu tên đơn vị/cá nhân phụ trách rà soát, tổng hợp, phân tích dữ liệu và viết báo cáo đánh giá học phần.

(9) Tiêu chí đạt giúp xác định xem người học có đạt được CLO hay không, trong đó, cần chỉ rõ mức kết quả học tập mà người học cần đạt để được coi là đáp ứng CLO. Ví dụ: tiêu chí đạt là điểm C trở lên (bao gồm điểm A, B và C) trong thang điểm 4 mức.

(10) Mức mục tiêu: xác định tỷ lệ người học sẽ đạt được CLO với tiêu chí đạt đã được xác định ở cột (9). Ví dụ 75% người học sẽ đạt được CLO1. Đây được xem là kỳ vọng của giảng viên đối với người học trong việc đạt được CLO.

III. Kết quả đánh giá

1. Thống kê tỷ lệ người học đạt được CLO

Bảng 2. Thống kê tỷ lệ người học đạt được CLO

CLO	Tổng số NH	Phân loại								Tỷ lệ NH đạt	
		NH đạt điểm A		NH đạt điểm B		NH đạt điểm C		NH đạt điểm D		Đạt	Không đạt
		Số NH	Tỷ lệ %	Số NH	Tỷ lệ %	Số NH	Tỷ lệ %	Số NH	Tỷ lệ %		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1											
CLO2											
...											

Chú thích các cột:

(1) Chi liệt kê các CLO cần đánh giá dựa vào kế hoạch đánh giá được xây dựng ở Bảng 1.

(2) Tổng số người học tham gia học học phần.

(3) và (4) Điền lần lượt số người học đạt được điểm A (trong thang điểm 4 mức) và tỷ lệ phần trăm người học đạt điểm A so với tổng số người học ở cột (2).

(5) và (6) Điền lần lượt số người học đạt được điểm B (trong thang điểm 4 mức) và tỷ lệ phần trăm người học đạt điểm B so với tổng số người học ở cột (2).

(7) và (8) Điền lần lượt số người học đạt được điểm C (trong thang điểm 4 mức) và tỷ lệ phần trăm người học đạt điểm C so với tổng số người học ở cột (2).

(9) và (10) Điền lần lượt số người học đạt được điểm D (trong thang điểm 4 mức) và tỷ lệ phần trăm người học đạt điểm D so với tổng số người học ở cột (2).

2. Nhận xét, đánh giá chung

Bảng 3. Nhận xét đánh giá chung về học phần

STT	Vấn đề tồn tại của học phần	Nguyên nhân có thể	Giải pháp cải tiến
1			
2			
...			

Lưu ý: Trên cơ sở phân tích kết quả thống kê ở Bảng 2 và đối sánh với dữ liệu tỷ lệ đạt ở thời điểm đánh giá trước (nếu có), đơn vị/cá nhân phụ trách viết báo cáo đánh giá học phần đưa ra nhận xét đánh giá chung về những tồn tại của học phần cũng như giải pháp cải tiến (nếu cần) nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được mục tiêu đào tạo và CDR học phần.

3. Kết luận

...

Trân trọng./.

XÁC NHẬN CỦA
TRƯỞNG KHOA/TRƯỞNG BỘ MÔN

..., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký và ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC 3

MỘT SỐ THANG ĐO THIẾT KẾ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (THAM KHẢO)

I. Thang đo đánh giá nhận thức Bloom (1 – 6) (THAM KHẢO)

Cấp độ miền nhận thức	Các động từ
Sáng tạo	Tạo ra, lập kế hoạch, sáng tác, phát triển, sáng tạo, sáng chế, tổ chức, xây dựng, sản xuất, biên soạn, thiết kế, tổ hợp lại.
Đánh giá	Xếp hạng, đánh giá, giám sát, kiểm tra, thử nghiệm, phán quyết.
Phân tích	Phân tích, chia nhỏ, so sánh, chọn lọc, làm tương phản, bóc tách, phân biệt, xác định, nhận dạng, phác thảo.
Vận dụng	Triển khai, tổ chức, giải quyết, xây dựng, biểu diễn, phát hiện, thực hiện, sửa đổi, điều khiển, thay đổi, vận hành, dự báo, chuẩn bị, sản xuất, chỉ ra, giải quyết, chọn.
Hiểu	Minh họa, bảo vệ, so sánh, ước lượng, giải thích, phân loại, phổ biến, diễn giải, viết lại, suy đoán, tổng hợp lại, dịch.
Nhớ	Định nghĩa, mô tả, xác định, kể tên, liệt kê, trình bày, nhắc lại, kể lại, nhận biết, tái tạo, chọn lọc, cho thấy, định vị.

Nguồn: (1) L.W. Anderson và cộng sự, *A Taxonomy for Learning, Teaching, and Assessing: A Revision of Bloom's Taxonomy of Educational Objectives*. New York: Longman, 2001

(2) D.Krathwohl, "A revision of Bloom's Taxonomy: An Overview", *Theory into Practice*, Vol.41, No.4, pp.212-218, 2002.

II. Thang đo đánh giá kỹ năng Dave (1970)

III. Thang đo đánh giá đạo đức và trách nhiệm Krathwohl

